

NHIỆM VỤ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO – VẬN DỤNG TRONG VIỆC GIẢNG DẠY MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH HIỆN NAY

Bùi Xuân Việt¹

Tóm tắt. Những nghiên cứu mới lý luận về chủ quyền Biển, đảo và thực tiễn đã chứng minh việc bảo vệ chủ quyền Biển, đảo của quốc gia Việt Nam là một bài học thật sâu sắc, từ đó áp dụng vào giảng dạy và tuyên truyền cho sinh viên trong việc giữ gìn và phát huy các giá trị cốt lõi trong việc bảo vệ chủ quyền Quốc gia. Chính vì vậy, bài viết này đã đề xuất một số biện pháp vận dụng vào giảng dạy môn Giáo dục quốc phòng và an ninh về nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

Từ khóa: *Chủ quyền Biển, đảo; Giáo dục Quốc phòng an ninh hiện nay.*

1. Đặt vấn đề

Quản lý, bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia có nội dung toàn diện phù hợp với luật pháp quốc tế và các hiệp định mà Việt Nam đã ký với các nước có liên quan. Quản lý, bảo vệ chủ quyền biển đảo quốc gia bao gồm: bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và tài phán quốc gia trên các vùng biển. Vùng biển bao gồm vùng nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa, các đảo và quần đảo. Quản lý, bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển là bảo vệ các quyền của quốc gia về biển phù hợp với luật pháp quốc tế và các hiệp định mà Việt Nam đã ký với các nước có liên quan. Đó là quyền của quốc gia về bảo tồn, quản lý, thăm dò, khai thác tài nguyên thiên nhiên của biển, vùng trời, các đảo và quần đảo.

Việt Nam là một quốc gia biển, với chiều dài đường bờ biển 3260 km, do vậy trong việc khai thác và bảo vệ chủ quyền biển, đảo gặp rất nhiều khó khăn. Tuy nhiên thời gian gần đây tình hình tranh chấp chủ quyền lãnh thổ và các vấn đề an ninh phi truyền thống, như: khủng bố, cướp biển, buôn lậu, tranh chấp ngư trường, khai thác tài nguyên biển gây ô nhiễm môi trường... diễn biến ngày càng phức tạp, khó dự báo.

Theo quy định của Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tuyên bố chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia đối với các vùng biển: Nội thủy là vùng nước ở phía bên trong đường cơ sở của lãnh hải; lãnh hải có chiều rộng 12 hải lý kể từ đường cơ sở vạch ra theo Công ước; vùng tiếp giáp lãnh hải rộng 12 hải lý; vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa có chiều rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở ra ngoài biển; riêng thềm lục địa có thể kéo dài ra tới 350 hải lý.

Công ước Luật Biển 1982, Luật Biển Việt Nam năm 2012. Vùng biển Việt Nam có khoảng 3.000 hòn đảo lớn, nhỏ và 2 quần đảo xa bờ là Hoàng Sa và Trường Sa, được phân bố khá đều theo chiều dài của bờ biển đất nước, với vị trí đặc biệt quan trọng như một tuyến phòng thủ tiền tiêu để bảo vệ sườn phía Đông của đất nước. Một số đảo ven bờ còn có vị trí quan trọng được sử dụng làm các điểm mốc quốc gia trên biển để thiết lập đường cơ sở ven bờ lục địa Việt Nam, từ đó xác định vùng nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa, làm cơ sở pháp lý để bảo vệ chủ quyền quốc gia trên các vùng biển.

Ngày nhận bài: 05/01/2024. Ngày nhận đăng: 22/02/2024.

¹Giảng viên Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Tác giả liên hệ: Bùi Xuân Việt. Địa chỉ e-mail: vietanh197566@gmail.com

Trong đó, lãnh hải của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam rộng 12 hải lý (1 hải lý tương đương 1.852m), ở phía ngoài đường cơ sở. Ranh giới ngoài của lãnh hải là biên giới của quốc gia ven biển. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chủ quyền đầy đủ và toàn vẹn đối với lãnh hải của mình cũng như đối với vùng trời, đáy biển và lòng đất dưới đáy biển của lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải. Vùng đặc quyền kinh tế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở ra ngoài biển. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có chủ quyền hoàn toàn về việc thăm dò, khai thác, bảo vệ và quản lý tất cả các tài nguyên thiên nhiên, sinh vật và không sinh vật ở vùng nước, ở đáy biển và trong lòng đất dưới đáy biển của vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam; có quyền và thẩm quyền riêng biệt về các hoạt động khác phục vụ cho việc thăm dò và khai thác vùng đặc quyền kinh tế nhằm mục đích kinh tế; có thẩm quyền riêng biệt về nghiên cứu khoa học trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam; có thẩm quyền trong bảo vệ môi trường, chống ô nhiễm trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam. Thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm đáy biển và lòng đất dưới đáy biển thuộc phần kéo dài tự nhiên của lục địa mở rộng ra ngoài lãnh hải Việt Nam cho đến bờ ngoài của rìa lục địa là 200 hải lý.

2. Quản lý hoạt động bảo vệ chủ quyền Biển, đảo quốc gia trong tình hình mới

Biển, đảo là bộ phận lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc, có vị trí đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước. Bảo vệ chủ quyền biển, đảo là nhiệm vụ trọng yếu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân.

Hiểu rõ Luật Biển quốc tế để toàn dân biết mục đích chủ yếu về pháp luật quốc tế phân chia chủ quyền trên biển, việc sử dụng, khai thác biển, bảo vệ môi trường biển và hợp tác giữa các quốc gia trong các lĩnh vực này. Trong đó, nội dung các điều khoản quan trọng nhất của Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển 1982 quy định về việc thiết lập các giới hạn, giao thông đường biển, trạng thái biển, đảo và các chế độ quá cảnh, các vùng đặc quyền kinh tế, quyền tài phán thềm lục địa, khai khoáng lòng biển sâu, chính sách khai thác, bảo vệ môi trường biển, nghiên cứu khoa học và dàn xếp các tranh chấp. Công ước đặt ra giới hạn cho nhiều khu vực, tính từ một đường cơ sở được định nghĩa kỹ càng, biểu hiện có các khu vực: Vùng nội thủy, vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa. Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển 1982 còn thiết lập các nghĩa vụ tổng quát cho việc bảo vệ môi trường biển và bảo vệ quyền tự do nghiên cứu khoa học trên biển. Công ước cũng tạo ra một cơ chế pháp lý mới cho việc kiểm soát khai thác tài nguyên khoáng sản tại các lòng biển sâu nằm ngoài thẩm quyền quốc gia, được thực hiện qua Ủy ban Đáy biển quốc tế. Các nước không có biển được quyền có đường ra biển mà không bị đánh thuế giao thông bởi các nước trên tuyến đường nối với biển đó.

Bảo vệ chủ quyền biển, đảo tập trung các văn bản liên quan như: Tuyên bố của Chính phủ năm 1977 về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa Việt Nam; Tuyên bố của Chính phủ năm 1982 về đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam; Nghị định số 30/CP của Chính phủ năm 1980 về quy chế cho các tàu thuyền nước ngoài hoạt động trên các vùng biển Việt Nam; Luật Biên giới quốc gia năm 2003; Luật Thủy sản năm 2003; Bộ luật Hàng hải năm 2005... Đặc biệt, tuyên truyền nội dung Luật Biển Việt Nam, được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 21-6-2012, có hiệu lực kể từ ngày 1-1-2013. Đây là văn bản pháp lý thể hiện ý chí của Đảng, Nhà nước và nhân dân về quy chế pháp lý của các vùng biển Việt Nam, làm cơ sở phục vụ công tác đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Việt Nam. Luật Biển Việt Nam gồm 7 chương, 55 điều, quy định về đường cơ sở, vùng biển Việt Nam, quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa và quần đảo khác thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam; hoạt động trong vùng biển Việt Nam; phát triển kinh tế biển; quản lý và bảo vệ biển, đảo. Theo đó, Luật Biển Việt Nam quy định: Các cơ quan, tổ chức và mọi công dân Việt Nam có trách nhiệm bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trên các vùng biển, đảo và quần đảo. Quản lý và bảo vệ biển được thực hiện thống nhất theo quy định của pháp luật Việt Nam, phù hợp với Hiến chương Liên hợp quốc và các điều quốc tế khác mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật có thể bị bắt, tạm giữ, tạm giam; tàu thuyền được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm có thể bị tạm giữ.

Về tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông hiện đang tồn tại bốn vấn đề lớn liên quan đến chủ quyền biển, đảo Việt Nam chưa được giải quyết: Chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa; bảo vệ chủ quyền và giải quyết tranh chấp chủ quyền trên quần đảo Trường Sa giữa năm nước sáu bên; phân định ranh giới các vùng biển theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982; xác định ranh giới ngoài vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. Cùng với đó, những nhân tố có thể gây mất ổn định trên Biển Đông vẫn đang diễn ra gay gắt: xâm phạm chủ quyền, an ninh; nguy cơ xung đột vũ trang; tranh chấp biển, đảo và thềm lục địa. Do vậy vấn đề bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Việt Nam hiện nay đang đặt ra những nhu cầu cấp bách.

3. Lợi ích của những qui định của Đảng và Nhà nước về quản lý và bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Việt Nam trong tình hình hiện nay

Quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Việt Nam là một bộ phận của quan điểm, chính sách bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, được thể hiện qua các văn kiện đại hội, Hội nghị Trung ương của Đảng (phần bàn về quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc). Trong đó, đáng chú ý: Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới (2003); Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 9-2-2007 về chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020; Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới (2013); Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22-10-2018 về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Các quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Việt Nam tập trung trên một số nội dung cơ bản sau:

Bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam là bảo vệ vững chắc chủ quyền, thống nhất, toàn bộ vùng biển, đảo, thềm lục địa của Tổ quốc. Bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo Việt Nam là trách nhiệm thiêng liêng của mỗi công dân Việt Nam đối với lịch sử dân tộc; là nhân tố quan trọng đảm bảo cho dân tộc ta phát triển bền vững.

Sức mạnh bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam là sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh của lực lượng và thể trận quốc phòng toàn dân với sức mạnh của lực lượng và thể trận an ninh nhân dân; trong đó lực lượng hải quân và tự vệ biển làm nòng cốt.

Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng chính quy, tinh nhuệ theo hướng hiện đại, ưu tiên hiện đại hóa một số quân chủng, binh chủng, lực lượng thực thi pháp luật trên biển; không ngừng củng cố, tăng cường thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân khu vực biển; bảo đảm năng lực xử lý tốt các tình huống trên biển, giữ vững độc lập, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên các vùng biển.

Tăng cường năng lực bảo đảm quốc phòng, an ninh, thực thi pháp luật trên biển. Hoàn thiện tổ chức các lực lượng bảo đảm quốc phòng, an ninh, thực thi pháp luật trên biển. Đầu tư trang thiết bị hiện đại, chú trọng đào tạo nhân lực, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật và tăng cường khả năng hiệp đồng, tác chiến của các lực lượng tham gia bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và các quyền lợi chính đáng, hợp pháp của đất nước. Xây dựng lực lượng công an khu vực ven biển, đảo, các khu đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển vững mạnh, làm nòng cốt bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội vùng biển, đảo. Nâng cao năng lực hoạt động của các lực lượng trực tiếp làm nhiệm vụ phòng, tránh và giảm nhẹ thiệt hại thiên tai, cứu nạn, cứu hộ, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng khu vực biển, đảo; bảo đảm an ninh, an toàn cho dân cư, người lao động và các hoạt động kinh tế khu vực biển; xây dựng vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân vùng biển, đảo.

4. Vận dụng trong việc giảng dạy môn giáo dục quốc phòng và an ninh hiện nay

Một là cập nhật, bổ sung nội dung kiến thức hoặc xây dựng chuyên đề mới về vấn đề biển đảo. Đây là giải pháp cơ sở, là điều kiện để tiến hành các giải pháp tiếp theo. Bởi lẽ giáo trình môn học được xem như là gốc rễ, là nền tảng để nghiên cứu sâu; là một loại “vũ khí” cần thiết giúp SV giành thắng trong cuộc chiến

“chiếm giữ tri thức”. Do đó Bộ Giáo dục và Đào tạo cần kết hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tiến hành nghiên cứu, xây dựng và cập nhật, bổ sung các kiến thức hoặc những chuyên đề mới với một số nội dung cơ bản như: khái quát về biển, đảo Việt Nam (quá trình hình thành và xác lập chủ quyền); vị trí, vai trò, tầm quan trọng của vùng biển Việt Nam đối với các hoạt động dân sự và lĩnh vực quân sự; các chủ trương, quan điểm, chính sách, pháp luật, sách lược của Đảng, Nhà nước về bảo vệ chủ quyền biển đảo; trách nhiệm và hành động của SV trong công tác bảo vệ chủ quyền biển đảo,... vào giáo trình giảng dạy đang lưu hành. Việc làm này có ý nghĩa quan trọng đối với công tác giáo dục ý thức cho SV. Trước mắt đây sẽ là một nguồn tri thức đã được chuẩn hóa, chính thống và có độ tin cậy cao để SV có thể dễ dàng tiếp cận và chiếm lĩnh. Trên cơ sở đó, các em sẽ có hiểu biết nhất định, hiểu đúng và đủ về nội hàm của các vấn đề phát sinh liên quan đến biển, đảo Việt Nam giúp hình thành tri thức khoa học, xây dựng hệ ý thức và hành động đúng đắn trong việc thể hiện lòng yêu nước, yêu biển, đảo quê hương.

Hai là tăng cường sử dụng tài liệu giảng dạy và cung cấp các tài liệu môn học có liên quan đến vấn đề chủ quyền biển, đảo. Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh chủ yếu giúp SV có điều kiện tiếp cận hệ thống lý luận cơ bản trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh (70% nội dung chương trình là lý thuyết) cũng như định hướng cho các em có phương pháp quan sát và đánh giá các vấn đề liên quan đến chủ quyền biển, đảo thông qua quá trình nghiên cứu và tìm hiểu thông tin từ các loại tài liệu, sách, báo chí và nguồn internet, các em sẽ hình thành niềm tin, niềm tự hào dân tộc, tình yêu quê hương, đất nước và lý tưởng cống hiến vì sự nghiệp giữ vững chủ quyền biển, đảo, đặc biệt là đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Ba là tổ chức nghiên cứu và thảo luận nhóm về nội dung chủ quyền và bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Thảo luận nhóm là một hình thức học tập mang tính hợp tác nhằm tăng khả năng chiếm lĩnh tri thức chứ không phải lĩnh hội tri thức và nâng cao chất lượng học tập của SV. Bởi lẽ trong tư duy giáo dục hiện nay SV đóng vai trò chủ động trong việc chọn lọc và tiếp thu tri thức. Thảo luận nhóm với nội dung tập trung vào chủ đề biển, đảo một mặt đáp ứng được nhu cầu mở mang tri thức về vấn đề “nóng” và đang được toàn xã hội quan tâm của SV; mặt khác, tạo điều kiện cho SV có cơ hội giao lưu, trao đổi với nhau để đạt được kết quả cao trong học tập.

Bốn là đẩy mạnh tuyên truyền và tổ chức sinh hoạt chuyên đề theo định kỳ tập trung vào nội dung “Bảo vệ chủ quyền biển, đảo Tổ quốc trong tình hình mới”. Có thể nói rằng, sinh hoạt chuyên đề là điều kiện, cơ hội để SV có thể tiếp cận các tri thức mới nhất, là phương pháp chiếm lĩnh tri thức nhanh và chính xác về các vấn đề xoay quanh chủ đề biển đảo. Bởi nguồn thông tin của hoạt động được cung cấp từ những nhà khoa học, các cơ quan chuyên môn nên luôn có tính khoa học và chuẩn xác. Như vậy, thực hiện tuyên truyền, sinh hoạt chuyên đề muốn mang tính giáo dục cao thì đòi hỏi đơn vị tổ chức phải chuẩn bị cả về nội dung lẫn phương pháp, giáo dục lý luận phải gắn với thực tiễn, phải quan tâm đến đối tượng tham gia và sử dụng nhiều hình thức để tạo sự hứng thú cho sinh viên.

5. Kết luận

Bối cảnh hiện nay và trong những năm tới, tình hình trên Biển Đông vẫn là điểm nóng thu hút dư luận của cộng đồng quốc tế và còn diễn biến hết sức phức tạp. Cần nêu cao tinh thần cảnh giác, không mơ hồ, chủ quan khi phân tích, đánh giá tình hình trên biển, dự báo đúng âm mưu, ý đồ, khả năng, thủ đoạn của các đối tượng để có biện pháp đối phó kịp thời, phù hợp. Trong mọi trường hợp đều phải tính đến những tác động có thể có đối với mục tiêu hòa bình, ổn định để xử lý, nhằm triệt tiêu những nhân tố đối phương có thể lợi dụng để gây mất ổn định, dẫn tới xung đột vũ trang trên biển, đẩy đất nước vào tình thế khó khăn. Kiên quyết đấu tranh đẩy lùi những nguy cơ xung đột; chủ động phòng ngừa, ngăn chặn, có phương án xử lý với các tình huống phức tạp có thể xảy ra.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Hồng Anh (2014). *Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác tuyên giáo*. Tạp chí Tuyên giáo, số 03-2014.

- [2] Ban Biên giới quốc gia (1998). *Khái quát về Luật Biển quốc tế và việc áp dụng luật biển tại Việt Nam*. Tài liệu tập huấn về nâng cao năng lực quản lý biển, Trung tâm thông tin tài liệu, Hà Nội, tháng 6-1998.
- [3] Ban Biên giới quốc gia (1998). *Khái quát về Luật Biển quốc tế và việc áp dụng luật biển tại Việt Nam*. Tài liệu tập huấn về nâng cao năng lực quản lý biển, Trung tâm thông tin tài liệu, Hà Nội, tháng 6-1998.
- [4] Hoàng Quốc Bảo (2006). *Học tập phương pháp Tuyên truyền Cách mạng Hồ Chí Minh*. Nxb.Chính trị quốc gia.
- [5] *Bằng chứng lịch sử và cơ sở pháp lý Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam*. 2011.
- [6] Bộ ngoại giao - Ủy ban Biên giới quốc gia (2010). *Những vấn đề liên quan đến chủ quyền biển đảo của Việt Nam trên Biển Đông*. H.2010.
- [7] Bộ Thông tin và Truyền thông (2015). *Báo cáo Công tác tuyên truyền, triển lãm biển, đảo giai đoạn 2013-2017 và 3 năm triển khai Quyết định số 616/QĐ-TTg ngày 11-5-2015 của Thủ tướng Chính phủ*.

ABSTRACT

The task of protecting sovereignty, seas and islands - Application in teaching national defense and security education today

New theoretical research on sovereignty over seas and islands and practice has proven that protecting the sovereignty of seas and islands of the Vietnamese nation is a profound lesson, from which it can be applied to teaching and learning as well as propagating students in preserving and promoting core values in protecting National sovereignty. Therefore, this article suggests some solutions for applying in teaching National Defense and Security subject with respect to sovereignty, seas and island protection.

Keywords: *Sovereignty of seas and islands; Current National Defense and Security Education.*